

Bản án số: 91/2021/HS-ST

Ngày 04-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa Bà Vũ Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chấn

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2021/TLST – HS ngày 22 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐ-HPT ngày 28/5/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tài F, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Xóm 2, xã P, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Nhân viên trực đặc công ty Cổ phần M; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tài S, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T B, sinh năm 1957; Tiền án tiền sự theo danh chỉ bản số 328 lập ngày 09/9/2020 tại Công an huyện K, TP Hà Nội và Lý lịch bị can công an xã P, TP V cung cấp ngày 09/9/2020: Không; Bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ ngày 29/8/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 – Công an thành phố Hà Nội “Có mặt”.

2. Phạm Văn T, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Đội 1, thôn Tân, xã V, huyện V, tỉnh T Hóa; Nghề nghiệp: Nhân viên trực đặc công ty TNHH khảo sát đo đạc quy hoạch và xây dựng D; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn

giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T, sinh năm 1971 và bà: Cao Thị H, sinh năm 1969; Họ tên vợ: Phạm Thị Thường, sinh năm 1990, có 02 con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh 2017; Tiền án tiền sự theo danh chỉ bản số 329 lập ngày 09/9/2020 tại Công an huyện K, TP Hà Nội và lý lịch bị can Công an xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc, T Hóa cung cấp ngày 10/9/2020: Không; Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ ngày 29/8/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 – Công an thành phố Hà Nội “Có mặt”.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Hoàng Mạnh Tr, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn 2, xã U, huyện X, tỉnh Thái Bình – Nhân viên trắc đạc của nhà thầu H “*Vắng mặt*”.

- Anh Phạm Trung T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn Q, xã M, huyện F, tỉnh Hà Nam – Nhân viên trắc đạc của nhà thầu T Nam. “*Vắng mặt*”.

- Anh Hoàng Tuấn Anh, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ Minh Hưng, thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình – Nhân viên trắc đạc của nhà thầu S. “*Vắng mặt*”.

- Anh Trần Văn Tôn, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn L, xã J, huyện D, TP Hà Nội – Nhân viên trắc đạc của nhà thầu Shodex và nhà thầu Đồng An. “*Vắng mặt*”.

- Anh Vũ Viết Mạnh, sinh năm 1979; Địa chỉ: Đường K2, phường C, quận N, TP Hà Nội. – Nhân viên trắc đạc của nhà thầu Vinadic. “*Vắng mặt*”

- Anh Phạm Bá D, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 12, phường Phú Q, quận Hà Đông, TP Hà Nội – Nhân viên trắc đạc của nhà thầu HACC1. “*Vắng mặt*”.

- Ông Nguyễn Tài Sơn, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Xóm 2, xã P, thành phố V, tỉnh Nghệ An. “*Có mặt*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

+ Ngày 26/8/2020, các anh Hoàng Mạnh G, sinh năm 1987, trú tại: thôn 2, U, X, Thái Bình (là nhân viên trắc đạc của nhà thầu H), anh Phạm Trung T, sinh năm 1994, trú tại: thôn Q, M, F, Hà Nam (là nhân viên trắc đạc của nhà thầu T Nam), anh Hoàng Tuấn Anh, sinh năm 1990, trú tại: tổ Minh Hưng, thị trấn Vũ Thư, Vũ Thư, Thái Bình (là nhân viên trắc đạc của nhà thầu S), anh Trần Văn Tôn, sinh năm 1984, trú tại: thôn L, J, D, Hà Nội (là nhân viên trắc đạc của nhà thầu Shodex và nhà thầu Đồng An) và anh Vũ Viết Mạnh, sinh năm 1979, trú tại: đường K2, C, N, Hà Nội (là nhân viên trắc đạc của nhà thầu Vinadic) đến Phòng bảo vệ công trường của dự án M M, K Hà Nội trình báo: Nguyễn Tài F (là cán bộ tư vấn giám sát của Ban quản lý xây dựng dự án M M, K, Hà Nội trong quá trình nghiệm

thu trắc đặc của các nhà thầu H, T Nam, S, Shodex và Đồng An, HACCC 1 và Vinadic (là các nhà thầu đang thi công xây dựng dự án M M, K) thường gây khó khăn, chậm trễ trong việc nghiệm thu làm ảnh hưởng tiến độ thi công của các nhà thầu, vì chỉ được chuyển giao đoạn thi công khi đã được Nguyễn Tài F nghiệm thu trắc đặc, buộc các nhà thầu phải có ý kiến xin F tạo điều kiện khi nghiệm thu. F đồng ý tạo điều kiện và yêu cầu các anh G, T, Tuấn Anh, Tôn và Mạnh gặp, đưa tiền cho Phạm Văn T cụ thể (anh G đưa: 4.000.000 đồng; T đưa 3.000.000 đồng; Tuấn Anh đưa 9.000.000 đồng; Tôn đưa 6.000.000 đồng và Mạnh đưa 3.000.000 đồng) để T chuyển lại cho F. Sau khi tiếp nhận các đơn trình báo trên, đến sáng ngày 28/8/2020, Phòng bảo vệ công trường dự án M M đã làm việc, chuyển đơn tố giác cho Công an huyện K giải quyết.

+ Khoảng 11 giờ 15 ngày 28/8/2020, anh Phạm Bá D, sinh năm 1986, trú tại: Phú Q, Hà Đông, Hà Nội (là nhân viên trắc đặc của nhà thầu HACCC1) đến Phòng bảo vệ công trường dự án M M trình báo tố giác Nguyễn Tài F, Phạm Văn T có hành vi đòi tiền hối lộ, F đang giục anh D phải đưa tiền ngay cho Phạm Văn T, anh D đã liên lạc và hẹn gặp T tại cảng tin Hoàng Đông 12, tuyến D11 giao D4 phân khu 4 công trường dự án M M, K để đưa tiền cho T. Ngay sau khi tiếp nhận nguồn tin của anh D, phòng bảo vệ đã báo tin cho Cơ quan Công an huyện K phối hợp cùng phòng bảo vệ bắt quả Phạm Văn T có hành vi nhận một phong bì bên trong có số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng), của anh D đưa (là tiền hối lộ).

+ Đến ngày 29/8/2020, Nguyễn Tài F đến Công an huyện K xin đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội.

Tang vật thu giữ liên quan đến vụ án: 26 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng, tổng số tiền là 13.000.000 đồng; 01 USB hiệu Kingston màu ghi, bên trong có chứa dữ liệu 01 video dài 02 phút 18 giây và 02 hình ảnh liên quan đến việc có dấu hiệu hối lộ. Ngoài ra còn tạm giữ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng (do Phạm Văn T giao nộp); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 9, màu xanh, 01 thẻ Ngân hàng số 970422063503213 mang tên Nguyễn Tài F, số tiền 23.000.000 đồng (do Nguyễn Tài F giao nộp) và số tiền 2.000.000 đồng (do ông Nguyễn Tài Sơn, sinh năm 1958, trú tại xóm 2, P, thành phố V, Nghệ An (là bố đẻ của Nguyễn Tài F) giao nộp).

Bản cáo trạng số 63/CT-VKSGL ngày 19/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Tài F và bị cáo Phạm Văn T về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 khoản 6 Điều 354 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

*** Bị cáo F khai nhận:** Bản thân F và T cùng làm nghề trắc đạc, có mối quan hệ quen biết nhau từ năm 2017 khi cùng làm dự án tại Hải Phòng. Ngày 26/3/2020, F ký hợp đồng lao động với công ty Cổ phần M, theo hợp đồng đã ký F có chức danh là nhân viên trắc đạc của công ty M làm việc tại Ban quản lý xây dựng M M K, F được giao nhiệm vụ, quyền hạn: Tiếp nhận, quản lý mốc giới, bàn giao vị trí mốc giới cho nhà thầu; kiểm tra dụng cụ thiết bị trắc đạc của nhà thầu phù hợp với tiêu chuẩn quy định; thực hiện giám sát, nghiệm thu công tác trắc đạc của các nhà thầu trong từng công việc xây dựng; thực hiện công tác định vị trên hiện trường, lập bản vẽ hoàn công định vị công trình; định kỳ khoan trắc hệ mốc giới không chế tọa độ từng khu vực, kịp thời cảnh báo khi có hiện tượng mất mốc giới, mốc giới bị xê dịch; báo cáo ngay cho lãnh đạo bộ phận khi phát hiện các bất cập của thiết kế về cao độ và định vị công trình; lập biên bản về các vi phạm của nhà thầu về vi phạm mốc giới và chuyển lãnh đạo Ban quản lý xây dựng để xử lý; ghi chép nhật ký trắc đạc đầy đủ theo quy định. Với nhiệm vụ quyền hạn trên, F thực hiện việc nghiệm thu trắc đạc khi các nhà thầu thi công xong một công đoạn trắc đạc thì nhà thầu mời F đến nghiệm thu. F là người sắp xếp lịch nghiệm thu, trực tiếp kiểm tra, quyết định kết quả nghiệm thu có D hay không để các nhà thầu chuyển giai đoạn thi công tiếp theo. Lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, khi nghiệm thu trắc đạc cho các nhà thầu, F đã cố ý gây khó khăn cho các nhà thầu như: Thời gian F đến nghiệm thu trắc đạc thường chậm, muộn so với thời gian quy định; Không nghiệm thu mốc do nhà thầu tự dẫn về với lý do máy móc thiết bị của các nhà thầu không đảm bảo và đo không chính xác...nhằm mục đích kéo dài thời gian nghiệm thu, chậm tiến độ thi công thì các nhà thầu sẽ bị Ban quản lý dự án phạt tiền, buộc các nhà thầu phải xin, đưa tiền hối lộ cho F, để F tạo điều kiện khi nghiệm thu trắc đạc. F biết rõ theo quy định của Công ty M, nếu F nhận tiền hoặc bất cứ khoản lợi nào từ các nhà thầu sẽ bị xử lý cho thôi việc. Vì vậy F đã gặp, trao đổi với Phạm Văn T (là nhân viên kỹ thuật trắc đạc của công ty TNHH khảo sát đo đạc quy hoạch và xây dựng D có trụ sở tại Hải Phòng. Tháng 6 năm 2020 công ty D phân công T đến làm trắc đạc cho công ty ACE Thái Bình Dương tại khu biệt thự thấp tầng CCP05 khu 99 căn tại M M K) để T đứng ra giúp F nhận tiền hối lộ của các nhân viên trắc đạc của các nhà thầu và F sẽ yêu cầu các nhà thầu thuê T dẫn mốc cho các nhà thầu, T đồng ý giúp F nhận tiền hối lộ từ các nhân viên trắc đạc của nhà thầu để chuyển lại cho F. Sau khi trao đổi thống nhất với T, F cho các anh G, T, Tuấn Anh, Tôn, Mạnh và D số điện thoại của T để liên hệ gặp T đưa tiền hối lộ cho T để T chuyển lại cho F, sau khi T nhận xong thì sẽ chuyển lại cho F bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt. Toàn bộ số tiền 25.000.000 đồng T nhận từ anh G, anh T, anh Tôn, anh Tuấn Anh, anh Mạnh thì T đã đưa lại cho F, còn 13.000.000

đồng T nhận từ D thì T chưa đưa F đã bị bắt quả tang. Nay, bị cáo F nhận thức được việc mình lợi dụng chức vụ đó để gây khó khăn nhận tiền hối lộ của các nhà thầu là sai, rất ân hận, đã khắc phục trả lại toàn bộ số tiền cho các nhà thầu, nên xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về làm lại từ đầu.

***Bị cáo T khai nhận:** Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như lời trình bày của bị cáo F khai nhận. Do quen biết T khi còn làm ở Hải Phòng, nên khi F đặt vấn đề với tôi để nhận tiền hối lộ của các nhà thầu để gửi lại F thì tôi đồng ý, vì toàn bộ số tiền tôi nhận được từ các nhà thầu tôi đều gửi lại F đầy đủ. Tôi biết tiền các nhà thầu gửi để F tạo điều kiện khi nghiệm thu trắc đạc. Tôi không nhận được lợi ích vật chất gì từ F. Nhưng mỗi khi tôi cần nghiệm thu trắc đạc cho nhà thầu ACE Thái Bình Dương thì F cũng tạo điều kiện cho tôi, tôi vẫn phải cảm ơn F mỗi khi tôi cần nghiệm thu trắc đạc. Tôi nhận thức hành vi của tôi cùng F nhận tiền hối lộ của các nhà thầu là sai, tôi cũng trao đổi với F để trả lại tiền cho các nhà thầu, tôi cũng thiếu hiểu biết nên phạm tội. Nay tôi xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về đi làm lo cho gia đình. Tôi thừa nhận các bản in tin nhắn giữa tôi với F tại máy điện thoại của tôi là tôi nhắn với F trao đổi về việc nhận tiền của các nhà thầu. Số tiền tôi nhận xong tôi chuyển lại cho F lúc thì tiền mặt, lúc thì chuyển khoản, nhưng do cũng nhiều lần nên tôi không nhớ chính xác chuyển tiền mặt lần nào và chuyển khoản lần nào, vì ngoài ra tôi cũng còn hay vay tiền của F vào việc cá nhân.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan** ông Nguyễn Tài Sơn trình bày: Số tiền tôi nộp cho F 2.000.000 đồng để khắc phục trả lại cho các nhà thầu, tôi không yêu cầu HĐXX xem xét giải quyết trong vụ án này. Coi như tôi cho F, không tranh chấp gì.

Về dân sự: Các anh Hoàng Mạnh G, Phạm Trung T, Hoàng Tuấn Anh, Trần Văn Tôn, Vũ Viết Mạnh và Phạm Bá D yêu cầu bị cáo Nguyễn Tài F và bị cáo Phạm Văn T phải có trách nhiệm trả lại cho anh G số tiền 4.000.000 đồng, anh T số tiền 3.000.000 đồng, anh Tuấn Anh số tiền 9.000.000 đồng, anh Tôn số tiền 6.000.000 đồng, anh Mạnh số tiền 3.000.000 đồng và anh D số tiền 13.000.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu đề nghị gì khác.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K** giữ nguyên nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 khoản 6 Điều 354; điểm b, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 47, Điều 54, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 của BLTTHS 2015 xử phạt bị cáo F từ 4 năm 6 tháng đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2020.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 khoản 6 Điều 354; điểm b, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 47, Điều 54, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 của BLTTHS 2015 xử phạt bị cáo T từ 04 năm đến

04 năm 6 tháng, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2020.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo F và bị cáo T

+ Về dân sự: Với tổng số tiền 38.000.000 đồng thu giữ của bị cáo F về hành vi nhận hối lộ. Quá trình điều tra xác định rõ là tiền cá nhân của anh G, anh T, anh Tuấn Anh, anh Tôn, anh Mạnh và anh D. Đề nghị trả lại anh G số tiền 4.000.000 đồng, anh T số tiền 3.000.000 đồng, anh Tuấn Anh số tiền 9.000.000 đồng, anh Tôn số tiền 6.000.000 đồng, anh Mạnh số tiền 3.000.000 đồng và anh D số tiền 13.000.000 đồng.

+ Về vật chứng: Đối với 02 điện thoại thu giữ của bị cáo F và T sử dụng vào việc phạm tội, cho tịch thu sung công. Đề nghị tịch thu sung công 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, có lắp sim điện thoại: 0981615888, Số Imei: 356739088435212 thu giữ của bị cáo T liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đề nghị tịch thu sung công 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 9 màu xanh, số Imei 1: 352141102492861, số Imei 2: 352142102492869 thu giữ của bị cáo F liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 thẻ ngân hàng quân đội MB bank số 970422063503213 mang tên Nguyễn Tài F, đề nghị trả lại bị cáo F.

- 01 chiếc USB nhãn hiệu Kington màu ghi, bên trong có chứa dữ liệu 01 video dài 02 phút 18 giây và 02 hình ảnh liên quan đến vụ án, đề nghị tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì khác về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội:

- Xét thấy ngày 28/8/2020 khi anh Phạm Bá D đang đưa 13.000.000 đồng tiền hối lộ cho Phạm Văn T thì bị bắt quả tang. Số tiền này anh D và T thừa nhận là tiền hối lộ của anh D đưa F nhưng T nhận hộ, nên đủ căn cứ kết luận hành vi ngày 28/8/2020 T đang nhận tiền hối lộ 13.000.000 đồng của anh D để chuyển cho F.

- Xét thấy khoảng từ khoảng tháng 6/2020 đến tháng 8/2020 T thừa nhận đã 05 lần nhận tiền hối lộ của anh Tôn (nhà thầu Shodex và Đông An) 6.000.000

đồng, của anh G (nhà thầu H) 4.000.000 đồng, của anh T (nhà thầu T Nam) 3.000.000 đồng, của anh Tuấn Anh (nhà thầu S) 9.000.000 đồng, của anh Mạnh (nhà thầu Vinadic) 3.000.000 đồng, sau đó T đã chuyển toàn bộ số tiền này lại cho F, F thừa nhận đã nhận toàn bộ số tiền 25.000.000 đồng này từ T, và biết rõ đây là tiền của cá nhân nhân viên trách nhiệm của các nhà thầu gửi cho F để F không gây khó khăn khi nghiệm thu trách nhiệm. Lời khai của T, F phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của anh Tôn, anh G, anh T, anh Tuấn Anh, anh Mạnh, cũng như phù hợp với các tin nhắn đoạn chat zalo giữa T và F thu giữ có ký xác nhận của T và F tại 02 điện thoại của T và F, phù hợp với tài khoản ngân hàng của F nhận tiền từ T. Dữ liệu kết luận từ khoảng tháng 6/2020 đến tháng 8/2020 T và F đã nhận 25.000.000 đồng tiền hối lộ từ các anh Tôn, anh G, anh T, anh Tuấn Anh, anh Mạnh là nhân viên trách nhiệm của các nhà thầu Shodex và Đông An, H, T Nam, S, Vinadic.

Xét thấy F là người có chức vụ giám sát, nghiệm thu trách nhiệm của Công ty cổ phần M đối với các nhà thầu tại công trường M M qua trung gian là T nhận tổng số tiền là 38.000.000 đồng làm 6 lần của các anh nhân viên trách nhiệm của các nhà thầu tại công trường M M, cụ thể ngày 28/8/2020 nhận của anh D 13.000.000 đồng, từ tháng 6 đến tháng 8/2020 nhận của anh Tôn (nhà thầu Shodex và Đông An) 6.000.000 đồng, của anh G (nhà thầu H) 4.000.000 đồng, của anh T (nhà thầu T Nam) 3.000.000 đồng, của anh Tuấn Anh (nhà thầu S) 9.000.000 đồng, của anh Mạnh (nhà thầu Vinadic) 3.000.000 đồng và người có chức vụ quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà nhận hối lộ thì bị xử lý theo quy định tại Điều 354 BLHS quy định tại khoản 6 Điều 354 BLHS, nên hành vi của F và T đã đủ yếu tố cấu thành tội Nhận hối lộ với tình tiết định khung là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật hình sự. Hành vi của F và T đã xâm phạm đến khách thể là các hoạt động đúng đắn và uy tín của các cơ quan, tổ chức, xâm hại đến các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, 2 bị cáo thực hiện hành vi 6 lần nên cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa chung.

Về vai trò của các bị cáo: Hai bị cáo thống nhất cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo cùng đồng phạm, F với vai trò chủ mưu, chỉ đạo, hưởng lợi toàn bộ; T vai trò là người giúp sức, thực hành tích cực nhưng không được hưởng lợi gì, nên hình phạt của F phải cao hơn của T là phù hợp.

Nhân thân bị cáo F thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ cho người đưa hối lộ, phạm tội lần đầu, người đưa hối lộ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình có bố là bệnh binh mất sức khỏe lao động 63%, bị cáo đầu thú, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Do bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS nên xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng Điều 54 của BLHS xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật cũng đảm bảo tác dụng giáo dục răn đe bị cáo và đúng chính sách khoan hồng của Nhà nước.

Nhân thân bị cáo T thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, người đưa hối lộ cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS, xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Bị cáo T là người giúp sức trong vụ án nhưng có vai trò không đáng kể quy định tại khoản 2 Điều 54 của BLHS, nên cho bị cáo được hưởng tình tiết xử dưới khung cũng đảm bảo tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với 6 anh: Anh Hoàng Mạnh G, anh Phạm Trung T, anh Hoàng Tuấn Anh, anh Trần Văn Tôn, anh Vũ Viết Mạnh, anh Phạm Bá D có hành vi đưa hối lộ nhưng bị ép buộc đưa hối lộ mà đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác thì được coi là không có tội và được trả lại toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ quy định tại khoản 7 Điều 364 của Bộ luật hình sự nên các anh G, anh T, anh Tuấn Anh, anh Tôn, anh Mạnh, anh D không xem xét hình sự là có căn cứ.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản riêng, nghề nghiệp nhân viên trắc đạc với hợp đồng lao động không xác định thời hạn của F và hợp đồng thời vụ 6 tháng với T nên xác định các bị cáo nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo là có căn cứ.

[4]. Về dân sự: Các anh Tôn, anh G, anh T, anh Tuấn Anh, anh Mạnh, anh D và các nhà thầu HACC1, Shodex và Đông An, H, T Nam, S, Vinadic không có yêu cầu gì dân sự với các bị cáo, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về số tiền 2.000.000 đồng ông Nguyễn Tài Sơn bố của bị cáo F nộp bồi thường thay cho bị cáo F, tại phiên tòa ông Sơn không yêu cầu F phải trả lại ông, ông không có tranh chấp gì về số tiền này, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu có tranh chấp sẽ xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

[5]. Về vật chứng của vụ án:

- Số tiền 38.000.000 đồng của các anh Tôn, anh G, anh T, anh Tuấn Anh, anh Mạnh, anh D sử dụng vào việc phạm tội, nhưng đã chủ động khai báo thì được trả lại toàn bộ số tiền đưa hối lộ, nên trả lại toàn bộ số tiền 38.000.000 đồng cho các anh Tôn, anh G, anh T, anh Tuấn Anh, anh Mạnh, anh D là phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 364 của BLHS.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, có lắp sim điện thoại: 0981618588, Số Imei: 356739088435212 thu giữ của bị cáo T liên quan đến hành vi phạm tội cho tịch thu sung công là có căn cứ

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 9 màu xanh, số Imei 1: 352141102492861, số Imei 2: 352142102492869 thu giữ của bị cáo F liên quan đến hành vi phạm tội cho tịch thu sung công là có căn cứ

- 01 thẻ ngân hàng quân đội MB bank số 970422063503213 mang tên Nguyễn Tài F, F sử dụng thẻ này vào việc nhận chuyển tiền do phạm tội mà có, tại phiên tòa F khai thẻ không còn tiền, cho tịch thu tiêu hủy thẻ Ngân hàng của F là phù hợp với quy định tại Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

- 01 chiếc USB nhãn hiệu Kington màu ghi, bên trong có chứa dữ liệu 01 video dài 02 phút 18 giây và 02 hình ảnh liên quan đến vụ án, là vật chứng của vụ án, cho tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[6]. Về án phí: Bị cáo F và bị cáo T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tài F và bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Nhận hối lộ”.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2, khoản 6, Điều 354; Khoản 7 Điều 364; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (Đối với F), điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 (Đối với T); Các Điều 54 (khoản 1 đối với F, khoản 2 đối với T), 47, 38, 17, 58 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 106, các Điều 136, 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tài F 3 năm 6 tháng (Ba năm sáu tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2020.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2020.

-Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

Về số tiền 2.000.000 của ông Nguyễn Tài Sơn, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

-Về vật chứng:

+ *Trả lại* anh Hoàng Mạnh G số tiền 4.000.000 đồng; anh Phạm Trung T số tiền 3.000.000 đồng, anh Hoàng Tuấn Anh số tiền 9.000.000 đồng; anh Trần Văn

Tôn số tiền 6.000.000 đồng; anh Vũ Viết Mạnh số tiền 3.000.000 đồng; anh Phạm Bá D số tiền 13.000.000 đồng (Tại Biên lai số AA/2020/0054813 ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Chi cục THADS huyện K, thành phố Hà Nội).

+ *Tịch thu sung công* 02 chiếc điện thoại di động, cụ thể: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, có lắp sim điện thoại: 098.161.8588, Số Imei: 356739088435212 của bị cáo T và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 9 màu xanh, số Imei 1: 352141102492861, số Imei 2: 352142102492869 của bị cáo F.

+ *Tịch thu tiêu hủy* 01 thẻ ngân hàng quân đội MB bank số 970422063503213 mang tên Nguyễn Tài F.

+ *Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án* 01 chiếc USB nhãn hiệu Kington màu ghi, bên trong có chứa dữ liệu 01 video dài 02 phút 18 giây và 02 hình ảnh liên quan đến vụ án.

(Vật chứng trên thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/4/2021 giữa Công an huyện K và Chi cục THADS huyện K).

- **Về án phí:** Bị cáo F và bị cáo T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Báo cho bị cáo F, bị cáo T, ông Nguyễn Tài Sơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Báo cho anh G, anh T, anh Tuấn Anh, anh Tôn, anh Mạnh, anh D vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- BẾ C, O;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Công an huyện Gia Lâm;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- THADS huyện Gia Lâm;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thiên Hương